

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 41



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 07 tháng 04 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04/08/2022
Ông Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 28/07/2022
Ông Lâm Thiệu Quân	Thành viên	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2022
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 21/06/2022
Ông Mạc Quang Huy	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28/07/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Thiệu Quân	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lâm Thiệu Quân

Số: 281122.002 /BCTC.HCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được lập ngày 28 tháng 11 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 25/11/2021 và ngày 21/06/2022.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2022	01/04/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>479.558.511.974</b>	<b>556.982.708.978</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	41.236.266.154	71.487.869.936
111	1. Tiền		20.209.294.437	54.487.869.936
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.026.971.717	17.000.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	68.104.000.000	84.874.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		68.104.000.000	84.874.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		281.680.112.421	326.861.522.063
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	273.047.298.329	244.576.497.785
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	15.708.500.083	72.421.182.462
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	355.000.000	355.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	19.105.040.856	36.224.814.321
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(26.535.726.847)	(26.715.972.505)
140	IV. Hàng tồn kho	10	83.690.114.194	67.668.084.242
141	1. Hàng tồn kho		93.263.443.149	77.115.969.205
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.573.328.955)	(9.447.884.963)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.848.019.205	6.091.232.737
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	683.662.584	410.479.545
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.164.356.621	2.535.330.671
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	-	3.145.422.521
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>159.149.805.023</b>	<b>70.275.502.150</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		35.440.000	16.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	35.440.000	16.000.000
220	II. Tài sản cố định		71.555.462.503	62.407.233.652
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	56.140.323.559	46.697.867.208
222	- Nguyên giá		100.545.873.092	88.998.709.364
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.405.549.533)	(42.300.842.156)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	15.415.138.944	15.709.366.444
228	- Nguyên giá		25.590.637.646	25.375.830.146
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.175.498.702)	(9.666.463.702)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	750.777.000	510.518.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		750.777.000	510.518.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	84.144.209.304	4.320.100.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		79.824.109.304	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.367.100.000	7.367.100.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.047.000.000)	(3.047.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.663.916.216	3.021.650.498
261	6. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.454.702.743	2.335.957.032
262	7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	209.213.473	685.693.466
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>638.708.316.997</b>	<b>627.258.211.128</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

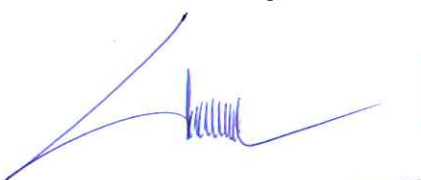
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2022	01/04/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		248.625.670.302	236.650.949.533
310	I. Nợ ngắn hạn		240.321.506.687	227.942.213.368
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	104.892.248.441	41.706.988.844
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	15.804.531.462	75.231.315.040
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.174.798.830	14.896.675.553
314	4. Phải trả người lao động		3.531.894.833	6.779.455.622
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	14.017.637.739	5.221.940.661
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	382.296.486	477.592.970
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	14.700.515.917	10.713.997.279
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	62.353.930.622	53.745.563.665
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	15.307.115.151	14.812.194.438
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.156.537.206	4.356.489.296
330	II. Nợ dài hạn		8.304.163.615	8.708.736.165
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	924.717.950	868.717.950
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	44.974.000	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	2.890.600.000	2.890.600.000
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	2.416.176.384	2.799.717.118
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.027.695.281	2.149.701.097
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		390.082.646.695	390.607.261.595
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	390.082.646.695	390.607.261.595
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		213.436.540.000	213.436.540.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		213.436.540.000	213.436.540.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(721.880.000)	(721.880.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		10.286.782.146	10.228.471.262
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		81.457.126.812	85.297.657.447
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		79.588.367.219	57.614.838.812
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.868.759.593	27.682.818.635
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		85.624.077.737	82.366.472.886
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		638.708.316.997	627.258.211.128

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Thảo

Trương Thị Phương Dung



Lâm Thiệu Quân




## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2022	Từ 01/04/2021
			đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	509.665.532.595	113.038.848.830
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	173.162.500	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		509.492.370.095	113.038.848.830
11	4. Giá vốn hàng bán	27	457.148.972.722	83.223.089.957
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.343.397.373	29.815.758.873
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	1.952.566.408	1.750.171.664
22	7. Chi phí tài chính	29	2.041.206.869	3.723.014.639
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		1.446.962.888	1.622.191.490
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		4.824.109.304	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	21.347.024.945	21.111.190.322
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	20.745.525.243	12.293.087.031
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.986.316.028	(5.561.361.455)
31	12. Thu nhập khác	32	353.604.690	1.120.370.884
32	13. Chi phí khác	33	1.193.497.018	11.086.735
40	14. Lợi nhuận khác		(839.892.328)	1.109.284.149
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.146.423.700	(4.452.077.306)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	3.426.073.347	1.500.878.511
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	476.479.993	1.401.493
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.243.870.360	(5.954.357.310)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		1.868.759.593	(8.358.889.029)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		8.375.110.767	2.404.531.719
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	88	(393)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Người lập  


Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng  


Trương Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc  
  
Lâm Thiệu Quân



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2022	Từ 01/04/2021
			đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.146.423.700	(4.452.077.306)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.613.742.377	3.807.510.215
03	Các khoản dự phòng		56.578.313	1.826.858.941
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		252.590.369	(127.480.034)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.515.102.535)	(1.546.298.939)
06	Chi phí lãi vay		1.446.962.888	1.622.191.490
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	(531.000.000)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		12.001.195.112	599.704.367
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		45.828.388.407	91.503.892.974
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(16.147.473.944)	(23.197.982.440)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.565.407.431	(6.176.648.000)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(391.928.750)	(779.577.703)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.452.946.922)	(1.647.189.934)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.718.946.202)	(4.481.666.148)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.846.919.550)	(143.910.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		36.836.775.582	55.676.623.116
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.967.422.728)	(2.051.538.773)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	45.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.180.000.000)	(33.375.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.950.000.000	44.065.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(75.000.000.000)	(1.944.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	20.697.870.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.721.216.695	3.413.636.983
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(67.476.206.033)	30.851.422.755

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2022	Từ 01/04/2021
			đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	323.810.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		62.855.423.526	32.724.082.237
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(54.202.082.569)	(83.007.329.651)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.279.108.100)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		374.232.857	(49.959.437.414)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(30.265.197.594)	36.568.608.457
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		71.487.869.936	41.680.571.665
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.593.812	(4.104.420)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>41.236.266.154</u>	<u>78.245.075.702</u>

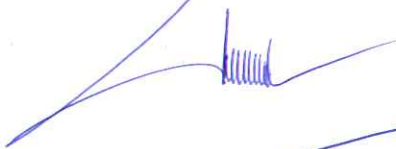
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Người lập



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc  
  
 Lâm Thiệu Quân

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 07 tháng 04 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 213.436.540.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến 30/09/2022 là 213.436.540.000 đồng; tương đương 21.343.654 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 là: 231 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2022 là: 232 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu đã ký hợp đồng thực hiện dự án của VNG và ghi nhận doanh thu 399 tỷ VND trên tổng giá trị hợp đồng là 574,6 tỷ VND. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến hoàn thành việc cung cấp dịch vụ của các hợp đồng bị trì hoãn bởi đại dịch Covid-19 trong năm trước. Điều này dẫn đến doanh thu và giá vốn lần lượt tăng 400,077 tỷ VND và 375,334 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 350,7% và 446,9%) so với cùng kỳ năm trước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận  
Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	TP. Hà Nội	Văn phòng đại diện

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2022 bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty con trực tiếp</b>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	88,59%	88,59%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	TP. Hồ Chí Minh	98,80%	98,80%	Mua bán camera giám sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; Mua bán thiết bị điện, điện tử.
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt, triển khai hệ thống phần mềm tin học; Cung cấp thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	TP. Hồ Chí Minh	50,42%	50,42%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm BTS.
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
<b>Công ty con gián tiếp</b>				
Công ty Cổ phần In No	TP. Hồ Chí Minh	50,40%	99,96%	Buôn bán thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông.
Công ty TNHH Global - Sitem	TP. Hồ Chí Minh	32,15%	63,75%	Sản xuất phần mềm tin học.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 năm sau.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con trong trường hợp công ty mẹ mua lại phần vốn góp từ các chủ sở hữu khác: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi mua lại phần vốn góp.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm:* Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết* mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cô tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

*Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* là khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	31 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

**2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 31 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.16 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

### 2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước về phí bảo trì.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### 2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Công ty phải bán ra ngay sau khi mua lại đối với các cổ phiếu sau:
  - Cổ phiếu mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ;
  - Cổ phiếu lẻ mua lại theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
  - Cổ phiếu lô lẻ mua lại theo yêu cầu của cổ đông.
- b) Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý cổ phiếu quỹ đã mua từ trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước đây được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho cổ đông dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.22 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.24 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.25 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022.

**2.27 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**2.28 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp Phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.29 . Thông tin bộ phận**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, lắp đặt và cung cấp dịch vụ phần mềm và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
Tiền mặt	626.578.653	574.136.683
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.582.715.784	53.913.733.253
Các khoản tương đương tiền (*)	21.026.971.717	17.000.000.000
	<b>41.236.266.154</b>	<b>71.487.869.936</b>

(\*) Tại ngày 30/09/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 21.026.971.717 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4%/năm.

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (**)	68.104.000.000	-	84.874.000.000	-
	<b>68.104.000.000</b>	<b>-</b>	<b>84.874.000.000</b>	<b>-</b>

(\*\*) Tại ngày 30/09/2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng và có giá trị 68.104.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,2%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Địa chỉ	30/09/2022			01/04/2022		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong TP. Hồ Chí Minh	64,92%	25,00%	-	64,92%	25,00%	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion <sup>(1)</sup> TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	76.972.285.451	0,00%	0,00%	-
- Công ty Cổ phần Intelnet <sup>(2)</sup> TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	2.851.823.853	0,00%	0,00%	-
			<u>79.824.109.304</u>			<u>-</u>

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	7.367.100.000	(3.047.000.000)	7.367.100.000	(3.047.000.000)
	<u>7.367.100.000</u>	<u>(3.047.000.000)</u>	<u>7.367.100.000</u>	<u>(3.047.000.000)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

- (1) Là khoản tiền đã chi trả căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 008/2021/NQ-HĐQT-CBTT ngày 18/05/2022 phê chuẩn đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion (gọi tắt là Larion), Công ty đã nhận chuyển nhượng 478.720 cổ phần có tổng mệnh giá là 4.787.200.000 đồng (chiếm 45% vốn điều lệ) từ các cổ đông hiện hữu của Larion. Giá trị tăng thêm của khoản đầu tư từ thời điểm mua đến cuối kỳ kế toán là 4.972.285.451 đồng.
- (2) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 009/2021/NQ-HĐQT-CBTT ngày 17/05/2022 phê chuẩn góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Intelnet, Công ty đã thực hiện góp 3.000.000.000 đồng tương ứng với 300.000 cổ phần tương ứng với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Giá trị giảm đi của khoản đầu tư từ thời điểm góp vốn đến cuối kỳ kế toán là 148.176.147 đồng.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 40.

Thông tin chi tiết về đơn vị đầu tư khác của Công ty vào ngày 30/09/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2,00%	2,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

## 5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	70.099.423.798	(7.626.506.517)	71.140.156.084	(7.626.506.517)
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Công ty Cổ phần	13.654.710.193	-	13.614.104.043	-
- Công ty TNHH Hải Linh	34.504.211.985	-	30.320.743.340	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	-	49.184.981.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	89.719.081.022	-	-	-
- Khác	65.069.871.331	(17.921.511.227)	80.316.513.318	(18.101.756.885)
	<b>273.047.298.329</b>	<b>(25.548.017.744)</b>	<b>244.576.497.785</b>	<b>(25.728.263.402)</b>
<b>b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>219.400.000</b>	<b>(219.400.000)</b>	<b>219.400.000</b>	<b>(219.400.000)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Stulz GmbH	-	-	11.404.063.100	-
- Công ty TNHH Kinden Việt Nam	-	-	24.322.122.306	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Green Mark	4.221.640.892	-	13.545.139.036	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	-	-	5.633.351.174	-
- Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Ngày Mới	2.766.086.400	-	1.106.434.560	-
- Khác	8.720.772.791	(786.517.572)	16.410.072.286	(786.517.572)
	<b>15.708.500.083</b>	<b>(786.517.572)</b>	<b>72.421.182.462</b>	<b>(786.517.572)</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Công nghệ mạng Sao Kim (*)	355.000.000	-	355.000.000	-
	<b>355.000.000</b>	<b>-</b>	<b>355.000.000</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn như sau:**

(\*) Số dư tại ngày 30/09/2022 bao gồm các hợp đồng cho vay sau:

a) Hợp đồng cho vay tiền số 01.2022/GSC-VENTECH ngày 26/01/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức vay: 120.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày 27/01/2022 đến ngày 26/05/2022;
- + Lãi suất cho vay: 2,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 120.000.000 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

b) Hợp đồng cho vay tiền số 02.2022/GSC-VENTECH ngày 19/02/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức vay: 235.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 21/02/2022 đến ngày 22/06/2022;
- + Lãi suất cho vay: 2,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 235.000.000 VND;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận  
Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	113.400.281	(113.400.281)	113.400.281	(113.400.281)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	800.928.439	-	1.831.151.903	-
- Phải thu về tạm ứng	1.401.402.785	-	2.565.220.947	-
- Ký cược, ký quỹ	1.621.161.619	-	2.514.829.073	-
- Phải thu tiền đảm bảo bảo hành công trình - Công ty TNHH SK C&C (*)	1.177.273.865	-	1.177.273.865	-
- Ký quỹ bảo lãnh tạm ứng - Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	-	-	13.105.010.740	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu - Phải thu tiền chuyển nhượng công ty con	7.724.619.357	-	7.724.619.357	-
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	5.180.072.411	-	5.200.706.291	-
- Phải thu khác	1.086.182.099	(87.791.250)	1.992.601.864	(87.791.250)
	<b>19.105.040.856</b>	<b>(201.191.531)</b>	<b>36.224.814.321</b>	<b>(201.191.531)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	35.440.000	-	16.000.000	-
	<b>35.440.000</b>	<b>-</b>	<b>16.000.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>77.791.250</b>	<b>(77.791.250)</b>	<b>77.791.250</b>	<b>(77.791.250)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40)

(\*) Khoản tiền đảm bảo bảo lãnh công trình mà Công ty trả cho Công ty TNHH SK C&C thay chủ đầu tư. Công ty sẽ thu lại từ chủ đầu tư (hoặc từ Công ty TNHH SK C&C) khi hết hạn bảo hành công trình hoặc sớm hơn theo thỏa thuận hợp đồng. Khoản tiền này được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành thư bảo lãnh thanh toán nhằm đảm bảo khả năng thu hồi cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận  
Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022**9 . NỢ XẤU**

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	27.489.183.408	953.456.561	27.669.429.066	953.456.561
+ Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	8.466.562.797	840.056.280	8.466.562.797	840.056.280
+ Công ty Cổ phần Máy tính Hoàn Long	2.728.216.314	-	2.728.216.314	-
+ Công ty TNHH Giáo dục Ngôi Sao	3.092.882.671	-	3.092.882.671	-
+ Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
+ Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	297.191.250	-	297.191.250	-
+ Đối tượng khác	6.811.169.503	113.400.281	6.991.415.161	113.400.281
	<b>27.489.183.408</b>	<b>953.456.561</b>	<b>27.669.429.066</b>	<b>953.456.561</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.686.202.543	(1.072.521.392)	2.722.851.272	(1.067.786.415)
Công cụ, dụng cụ	990.909	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	73.590.995.981	(273.195.677)	56.702.325.762	(273.195.677)
Thành phẩm	65.980.658	(3.996.253)	5.405.374.447	(2.625.505.668)
Hàng hoá	16.919.273.058	(8.223.615.633)	12.285.417.724	(5.481.397.203)
	<b>93.263.443.149</b>	<b>(9.573.328.955)</b>	<b>77.115.969.205</b>	<b>(9.447.884.963)</b>

**11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
Dự án phần mềm kế toán	750.777.000	510.518.000
	<b>750.777.000</b>	<b>510.518.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	48.325.949.061	29.286.525.673	8.545.582.307	2.840.652.323	88.998.709.364
- Mua trong kỳ	-	-	-	33.181.818	33.181.818
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	11.513.981.910	-	-	11.513.981.910
Số dư cuối kỳ	<u>48.325.949.061</u>	<u>40.800.507.583</u>	<u>8.545.582.307</u>	<u>2.873.834.141</u>	<u>100.545.873.092</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	16.190.655.846	18.609.983.599	5.073.963.571	2.426.239.140	42.300.842.156
- Khấu hao trong kỳ	782.601.483	797.994.366	385.735.302	138.376.226	2.104.707.377
Số dư cuối kỳ	<u>16.973.257.329</u>	<u>19.407.977.965</u>	<u>5.459.698.873</u>	<u>2.564.615.366</u>	<u>44.405.549.533</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	32.135.293.215	10.676.542.074	3.471.618.736	414.413.183	46.697.867.208
Tại ngày cuối kỳ	<u>31.352.691.732</u>	<u>21.392.529.618</u>	<u>3.085.883.434</u>	<u>309.218.775</u>	<u>56.140.323.559</u>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 28.700.096.339 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.835.459.542 VND.

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	24.053.529.245	1.322.300.901	25.375.830.146
- Mua trong kỳ	-	214.807.500	214.807.500
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>24.053.529.245</b>	<b>1.537.108.401</b>	<b>25.590.637.646</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	8.798.303.439	868.160.263	9.666.463.702
- Khấu hao trong kỳ	383.832.918	125.202.082	509.035.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>9.182.136.357</b>	<b>993.362.345</b>	<b>10.175.498.702</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	15.255.225.806	454.140.638	15.709.366.444
Tại ngày cuối kỳ	<b>14.871.392.888</b>	<b>543.746.056</b>	<b>15.415.138.944</b>

(\*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 14.871.392.888 VND.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 416.073.717 VND.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	274.531.020	252.405.955
- Chi phí mua bảo hiểm	21.349.519	-
- Chi phí sửa chữa	27.141.640	-
- Các chi phí khác	360.640.405	158.073.590
	<b>683.662.584</b>	<b>410.479.545</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	729.894.529	810.478.214
- Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	557.934.848	569.890.598
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.103.046.835	884.636.969
- Các chi phí khác	63.826.531	70.951.251
	<b>2.454.702.743</b>	<b>2.335.957.032</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận  
Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- ABB Pte. Ltd.	5.980.198.916	5.980.198.916	6.092.050.854	6.092.050.854
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Green Mark	3.087.702.075	3.087.702.075	5.203.762.765	5.203.762.765
- Công ty TNHH Kinden Việt Nam	31.642.859.508	31.642.859.508	-	-
- Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	13.330.633.333	13.330.633.333	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na	8.218.158.865	8.218.158.865	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hồng Thủyên	9.091.567.808	9.091.567.808	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	33.541.127.936	33.541.127.936	30.411.175.225	30.411.175.225
	<b>104.892.248.441</b>	<b>104.892.248.441</b>	<b>41.706.988.844</b>	<b>41.706.988.844</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	-	59.588.064.723
- Công ty TNHH BOT Thiên Tân Quảng Ngãi	-	3.073.536.424
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	6.820.000.000	1.927.373.384
- Công ty TNHH MTV Masan HG	2.162.329.800	-
- Công ty TNHH Công nghệ mạng Sao Kim	2.345.561.747	-
- Người mua trả tiền trước khác	4.476.639.915	10.642.340.509
	<b>15.804.531.462</b>	<b>75.231.315.040</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
- Thuế giá trị gia tăng	1.151.575.026		1.882.324.879		3.441.213.765		2.866.440.343		-		-	1.305.523.275
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	53.032.804		-		53.032.804		-		-		-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.940.814.691		-		2.562.255.777		621.441.086		-		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-		12.697.838.952		3.550.033.644		13.718.946.202		-		-	2.528.926.394
- Thuế thu nhập cá nhân	-		316.439.722		2.814.810.938		1.791.001.499		-		-	1.340.249.161
- Các loại thuế khác	-		72.000		237.529.217		237.501.217		-		-	100.000
	<b>3.145.422.521</b>		<b>14.896.675.553</b>		<b>12.658.876.145</b>		<b>19.235.330.347</b>					<b>5.174.798.830</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
- Chi phí thi công cho công trình	13.890.664.655	2.216.048.161
- Chi phí VSOP phải trả	-	1.887.892.500
- Chi phí phải trả khác	126.973.084	1.118.000.000
	<b>14.017.637.739</b>	<b>5.221.940.661</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	492.084.490	385.445.090
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	318.163.440	568.282.640
- Phải trả KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	143.185.164	433.411.258
- Phải trả tiền mượn các cá nhân	12.390.000.000	5.060.000.000
- Lãi vay phải trả	3.654.111	9.638.145
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.353.428.712	4.257.220.146
	<b>14.700.515.917</b>	<b>10.713.997.279</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	924.717.950	868.717.950
	<b>924.717.950</b>	<b>868.717.950</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

**20 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/04/2022		Trong kỳ		30/09/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	53.295.787.665	53.295.787.665	62.855.423.526	54.067.148.569	62.084.062.622	62.084.062.622
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	8.870.079.403	8.870.079.403	25.405.021.641	8.228.322.122	26.046.778.922	26.046.778.922
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng <sup>(3)</sup>	10.819.509.512	10.819.509.512	30.293.964.484	10.819.509.512	30.293.964.484	30.293.964.484
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng <sup>(3)</sup>	33.606.198.750	33.606.198.750	1.420.127.561	32.283.007.095	2.743.319.216	2.743.319.216
- Ông Nguyễn Ngọc Duy <sup>(4)</sup>	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hồng 1 huyện	-	-	2.736.309.840	2.736.309.840	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>						
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank <sup>(5)</sup>	449.776.000	449.776.000	-	179.908.000	269.868.000	269.868.000
	449.776.000	449.776.000	-	179.908.000	269.868.000	269.868.000
	<b>53.745.563.665</b>	<b>53.745.563.665</b>	<b>62.855.423.526</b>	<b>54.247.056.569</b>	<b>62.353.930.622</b>	<b>62.353.930.622</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank <sup>(5)</sup>	449.776.000	449.776.000	-	134.934.000	314.842.000	314.842.000
	<b>449.776.000</b>	<b>449.776.000</b>	<b>-</b>	<b>134.934.000</b>	<b>314.842.000</b>	<b>314.842.000</b>
	(449.776.000)	(449.776.000)	-	(179.908.000)	(269.868.000)	(269.868.000)
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>44.974.000</b>	<b>44.974.000</b>



(9) 03/10/2022



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0110/2175/N-CTD ngày 11/11/2021, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng khoản phải thu luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh và tiền gửi tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.
- (2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/1303846/HĐTD ngày 18/03/2021 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/1303846/HĐTD-PL03 ngày 07/09/2022, Hợp đồng vay số 03/2021/1417174/HĐTD ngày 28/10/2021, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định và tiền gửi tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- (3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng theo Hợp đồng cấp tín dụng số PMH201912376203/HĐCTD ngày 18/03/2019 và Phụ lục hợp đồng số PMH201912376203/HĐCTD/PL687504, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền đòi nợ và khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng đầu ra của Công ty được Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam tài trợ.
- (4) Vay ngắn hạn Ông Nguyễn Ngọc Duy theo Hợp đồng tín dụng số 01-2022/HĐV ngày 27/09/2022, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0,5%/tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, không có tài sản bảo đảm.

**Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:**

- (5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank theo Hợp đồng tín dụng số PHM202013282625/HĐTD ngày 21/12/2020, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để mua xe ô tô phục vụ đi lại. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
Tiền nhận trước về dịch vụ bảo trì	382.296.486	477.592.970
	<b>382.296.486</b>	<b>477.592.970</b>

**22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	15.307.115.151	14.812.194.438
	<b>15.307.115.151</b>	<b>14.812.194.438</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	2.094.687.419	2.052.728.153
- Dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc	321.488.965	746.988.965
	<b>2.416.176.384</b>	<b>2.799.717.118</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thu

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

**23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND			VND	VND		
Số dư đầu kỳ trước	190.647.980.000	(721.880.000)	7.865.072.719	83.349.823.125	57.685.756.839	338.826.752.683		
Lãi trong kỳ	-	-	-	(8.358.889.029)	2.404.531.719	(5.954.357.310)		
Công ty con hoàn nhập các quỹ	-	-	(670.096.386)	1.580.875.000	(910.778.614)	-		
Công ty con tái phát hành cổ phiếu quỹ cho Cổ đông không kiểm soát	-	-	(10.747.780)	(60.224.942)	394.782.722	323.810.000		
Mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(595.488.996)	(1.348.511.004)	(1.944.000.000)		
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	-	-	90.557.054	-	90.557.054		
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>190.647.980.000</b>	<b>(721.880.000)</b>	<b>7.184.228.553</b>	<b>76.006.652.212</b>	<b>58.225.781.662</b>	<b>331.342.762.427</b>		
Số dư đầu kỳ này	213.436.540.000	(721.880.000)	10.228.471.262	85.297.657.447	82.366.472.886	390.607.261.595		
Lãi trong kỳ này	-	-	-	1.868.759.593	8.375.110.767	10.243.870.360		
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(8.385.747.500)	(8.385.747.500)		
Mua lại cổ phần từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(29.567.640)	(610.048.360)	(639.616.000)		
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	(802.242.573)	(788.757.427)	(1.591.000.000)		
Giảm do thanh tra thuế	-	-	-	(48.899.798)	(103.221.962)	(152.121.760)		
Tặng/Giảm khác	-	-	58.310.884	(4.828.580.217)	4.770.269.333	-		
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>213.436.540.000</b>	<b>(721.880.000)</b>	<b>10.286.782.146</b>	<b>81.457.126.812</b>	<b>85.624.077.737</b>	<b>390.082.646.695</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	213.436.540.000	190.647.980.000
- Vốn góp cuối kỳ	213.436.540.000	190.647.980.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.385.747.500	-

**c) Cổ phiếu**

	30/09/2022	01/04/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.343.654	21.343.654
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.343.654	21.343.654
- Cổ phiếu phổ thông	21.343.654	21.343.654
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	72.188	72.188
- Cổ phiếu phổ thông	72.188	72.188
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.271.466	21.271.466
- Cổ phiếu phổ thông	21.271.466	21.271.466

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

**d) Các quỹ của công ty**

	30/09/2022 VND	01/04/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.286.782.146	10.228.471.262
	<u>10.286.782.146</u>	<u>10.228.471.262</u>

**24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	30/09/2022	01/04/2022
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	13.587,12	144.095,78
- Đồng Euro (EUR)	4.931,64	4.939,50

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/09/2022 VND	01/04/2022 VND
- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH Hanel CSF	2.094.339.437	2.094.339.437
- Các khách hàng khác	859.038.711	678.793.053
	<u>3.204.764.028</u>	<u>3.024.518.370</u>

**25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	463.217.219.495	84.365.566.644
Doanh thu bán thành phẩm	570.528.000	670.743.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.877.785.100	13.443.485.647
Doanh thu cho thuê trạm thu phát sóng	-	14.559.053.539
	<b>509.665.532.595</b>	<b>113.038.848.830</b>

**26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	173.162.500	-
	<b>173.162.500</b>	<b>-</b>

**27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	424.288.649.411	52.482.278.697
Giá vốn của thành phẩm đã bán	400.372.457	1.322.078.772
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	32.334.506.862	20.575.044.901
Giá vốn cho thuê trạm thu phát sóng	-	8.738.309.049
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	125.443.992	105.378.538
	<b>457.148.972.722</b>	<b>83.223.089.957</b>

**28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi cho vay	1.690.993.231	1.500.844.394
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	51.434.999	39.182.183
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	202.073.381	82.665.053
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	8.064.797	127.480.034
	<b>1.952.566.408</b>	<b>1.750.171.664</b>

**29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.446.962.888	1.622.191.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	333.501.702	358.823.149
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	260.655.166	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	1.742.000.000
Chi phí tài chính khác	87.113	-
	<b>2.041.206.869</b>	<b>3.723.014.639</b>

**30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	388.919.142	336.448.259
Chi phí nhân công	19.141.419.232	19.297.910.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.382.576	1.990.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	965.321.001	995.959.004
Chi phí bán hàng khác	844.982.994	478.882.050
	<b>21.347.024.945</b>	<b>21.111.190.322</b>

**31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	581.005.582	379.652.615
Chi phí nhân công	16.601.009.768	10.370.754.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	491.663.906	375.254.717
Chi phí dự phòng	-	54.367.043
Thuế, phí, lệ phí	133.065.996	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.230.341.936	883.694.069
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	708.438.055	229.364.529
	<b>20.745.525.243</b>	<b>12.293.087.031</b>

**32 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	45.454.545
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	204.744.831	979.347.349
Thu nhập khác	148.859.859	95.568.990
	<b>353.604.690</b>	<b>1.120.370.884</b>

**33 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	781.632.761	-
Chi phí khác	411.864.257	11.086.735
	<b>1.193.497.018</b>	<b>11.086.735</b>

**34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	3.426.073.347	1.500.878.511
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.426.073.347</b>	<b>1.500.878.511</b>

**35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	209.213.473	685.693.466
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>209.213.473</b>	<b>685.693.466</b>

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế TNDN hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.890.600.000	2.890.600.000
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>2.890.600.000</b>	<b>2.890.600.000</b>

**c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	476.479.993	13.801.493
- Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(12.400.000)
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>476.479.993</b>	<b>1.401.493</b>

**36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.868.759.593	(8.358.889.029)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.868.759.593	(8.358.889.029)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	21.271.466	21.271.466
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>88</b>	<b>(393)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG**

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 01 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	30/09/2022		01/04/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.236.266.154	-	71.487.869.936	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	292.187.779.185	(25.749.209.275)	280.817.312.106	(25.929.454.933)
Các khoản cho vay	68.459.000.000	-	85.229.000.000	-
	<b>401.883.045.339</b>	<b>(25.749.209.275)</b>	<b>437.534.182.042</b>	<b>(25.929.454.933)</b>

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	62.398.904.622	53.745.563.665
Phải trả người bán, phải trả khác	120.517.482.308	53.289.704.073
Chi phí phải trả	14.017.637.739	5.221.940.661
	<b>196.934.024.669</b>	<b>112.257.208.399</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/09/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.236.266.154	-	-	41.236.266.154
Phải thu khách hàng, phải thu khác	266.438.569.910	-	-	266.438.569.910
Các khoản cho vay	68.459.000.000	-	-	68.459.000.000
	<b>376.133.836.064</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>376.133.836.064</b>
<b>Tại ngày 01/04/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.487.869.936	-	-	71.487.869.936
Phải thu khách hàng, phải thu khác	254.887.857.173	-	-	254.887.857.173
Các khoản cho vay	85.229.000.000	-	-	85.229.000.000
	<b>411.604.727.109</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>411.604.727.109</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/09/2022</b>				
Vay và nợ	62.353.930.622	44.974.000	-	62.398.904.622
Phải trả người bán, phải trả khác	119.592.764.358	924.717.950	-	120.517.482.308
Chi phí phải trả	14.017.637.739	-	-	14.017.637.739
	<b>195.964.332.719</b>	<b>969.691.950</b>	<b>-</b>	<b>196.934.024.669</b>
<b>Tại ngày 01/04/2022</b>				
Vay và nợ	53.745.563.665	-	-	53.745.563.665
Phải trả người bán, phải trả khác	52.420.986.123	868.717.950	-	53.289.704.073
Chi phí phải trả	5.221.940.661	-	-	5.221.940.661
	<b>111.388.490.449</b>	<b>868.717.950</b>	<b>-</b>	<b>112.257.208.399</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**38 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/09/2021
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	62.855.423.526	32.724.082.237
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	54.202.082.569	83.007.329.651

**39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty TNHH Global - Sitem	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần In No	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Kỹ thuật Toàn Cầu	Công ty cùng Tập đoàn (từ 31/03/2022 không còn là bên liên quan)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/09/2022	01/04/2022
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>219.400.000</b>	<b>219.400.000</b>
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	219.400.000	219.400.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>77.791.250</b>	<b>77.791.250</b>
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	77.791.250	77.791.250

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức vụ	Từ 01/04/2022	Từ 01/04/2021
		đến 30/09/2022	đến 30/09/2021
		VND	VND
<b>Thu nhập và thù lao</b>		<b>3.683.566.216</b>	<b>4.444.894.222</b>
- Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	808.561.235	1.256.894.560
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	565.700.656	1.216.977.704
- Bà Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	320.160.000	407.933.146
- Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Giám đốc Tài chính	424.778.843	498.417.016
- Ông Phạm Đức Long	Giám đốc Kỹ thuật	635.465.482	691.313.236
- Ông Lê Ngọc Thạch	Giám đốc Công nghệ thông tin	425.000.000	-
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	31.200.000	38.216.667
- Ông Lưu Đức Khánh	(*)	35.100.000	200.000
- Ông Mạc Quang Huy	(*)	36.900.000	200.000
- Ông Nguyễn Đức Thắng	(*)	46.200.000	166.667
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên HĐQT	31.200.000	26.300.000
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng Ban Kiểm soát	31.200.000	26.300.000
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Giám đốc Kiểm soát nội bộ	273.200.000	281.875.226
- Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát	18.900.000	100.000

(\*) Thành viên HĐQT miễn nhiệm, từ nhiệm trong kỳ này.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

#### 41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/09/2021.

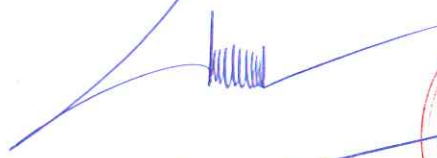
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Người lập



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc





Lâm Thiếu Quân